| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ H**<br>**TỈNH THỪA THIÊN HUẾ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 588/2024/QĐST-HNGĐ | *Thành phố H, ngày 31 tháng 7 năm 2024* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

## TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 507/2024/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2024 về việc Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Anh Huy H1, sinh năm 1994.

Nơi thường trú và nơi ở hiện tại: Z M, phường V, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Chị Hoàng Thị N, sinh năm 2001.

Nơi thường trú: Z M, phường V, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi ở hiện tại: Thôn T, xã A, huyện P, tỉnh Quảng Trị.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Huy H1 và chị Hoàng Thị N tự nguyện đăng ký hôn vào ngày 09/9/2019 tại Uỷ ban nhân dân phường V, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế trên cơ sở tự nguyện nên quan hệ hôn nhân giữa anh H1 và chị N là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 05 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống trong sinh hoạt hàng ngày. Từ tháng 7/2023, vợ chồng bắt đầu sống ly thân, trong thời gian đó vợ chồng có liên lạc để hàn gắn tình cảm nhưng không tìm được biện pháp khắc phục mâu thuẫn. Xét thấy, mâu thuẫn của vợ chồng đã quá trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc thuận tình ly hôn giữa anh H1 và chị N là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, nên cần công nhận.

[2] Về con chung: Anh Huy H1 và chị Hoàng Thị N có 02 con chung tên là Huy Tôn Nữ Gia H2, sinh ngày 09/12/2018 và Huy Phát Minh K, sinh ngày

19/7/2020. Hiện nay, cháu H2 đang ở với anh H1, cháu K đang ở với chị N.

Nay ly hôn, anh H1 và chị N thỏa thuận: Giao cháu H2 cho anh H1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi); giao cháu K cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi). Anh H1 và chị N, không ai cấp dưỡng nuôi con đối với người con mình không trực tiếp nuôi dưỡng.

[3] Về tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản: Anh Huy H1 và chị Hoàng Thị N xác nhận không có tài sản chung, không vay nợ ai, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Huy H1 và chị Hoàng Thị N thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Huy H1 và chị Hoàng Thị N có 02 con chung tên là Huy Tôn Nữ Gia H2, sinh ngày 09/12/2018 và Huy Phát Minh K, sinh ngày 19/7/2020. Hiện nay, cháu H2 đang ở với anh H1, cháu K đang ở với chị N.

Giao cháu Huy Tôn Nữ Gia H2 cho anh Huy H1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi); giao cháu Huy Phát Minh K cho chị Hoàng Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi). Anh Huy H1 và chị Hoàng Thị N, không ai cấp dưỡng nuôi con đối với người con mình không trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản: Anh Huy H1 và chị Hoàng Thị N xác nhận không có tài sản chung, không vay nợ ai, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Huy H1 và chị Hoàng Thị N, mỗi người phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004154 ngày 14/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Anh Huy H1, chị Hoàng Thị N đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***
- Người yêu cầu;
- TAND tỉnh TT. Huế;
- VKSND thành phố H;
- CC THADS thành phố H;
- UBND P. V, thành phố H;
*ĐKKH số 103 ngày 09/9/2019*
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

**THẨM PHÁN**

*(đã ký)*

**Lê Văn Hạnh**